

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137 /2017/DS-PT.

Ngày 06-9-2017.

V/v tranh chấp "Hợp đồng dân sự về hụi" (Hụi).

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông: Nguyễn Văn Trường.

*Các thẩm phán:* Bà: Trần Thị Thúy Hồng.

Bà: Nguyễn Thị Tư.

**- Thư ký phiên toà:** Bà: Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2017/TLPT - DS ngày 25 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp "Hợp đồng dân sự về hụi" (Hụi).

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS - ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ô bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2017/QĐPT - DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:**

Bà Trần Thị Thúy H, sinh năm 1961 (Có mặt).

Ông Đặng Văn S, sinh năm 1952 (Chồng bà H vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn Đặng Văn S:* Bà Trần Thị Thúy H (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/9/2017).

**- Người kháng cáo:** Bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị Thu T trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2016 bà Trần Thị Thúy H và chồng là ông Đặng Văn S có tham gia làm hội viên 38 dây do bà Ngô Thị Thu T làm chủ. Trong đó bà H và ông S mở (Hốt) 28 dây, còn 10 dây chưa mở (Chưa hốt). Do các hội viên đã hốt mà không góp lại nên bà T tuyên bố vỡ hội. Sau khi vỡ hội bà T, bà H thỏa thuận khấu trừ giữa các dây hội bà H, ông S đã mở (Dây hội chết) và các dây hội bà H, ông S chưa mở (Dây hội sống) thì bà H và ông S còn nợ lại bà T 410.305.000 đồng và bà H cũng thống nhất nợ tại biên bản hòa giải ngày 07 tháng 4 năm 2017, bà H đồng ý trả bà T số tiền 410.305.000 đồng. Sau khi phía bà H thừa nhận còn nợ bà T 410.305.000 đồng, bà H và ông S không trả nợ cho bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà H, ông S liên đới trả cho bà T số tiền 410.305.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 07 tháng 4 năm 2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Thúy H và bà H đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn S trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2016 bà Trần Thị Thúy H có tham gia hội viên do bà Ngô Thị Thu T làm chủ 38 dây, chồng bà H là ông Đặng Văn S không biết việc bà H tham gia hội viên do bà T làm chủ. Mục đích bà H tham gia hội để có lãi, lúc tuổi già có tiền nuôi sống bản thân. Sau khi hốt hội, giữa bà H và bà T gặp nhau để thỏa thuận khấu trừ số tiền hội chết chưa đóng lại và số tiền hội sống đã đóng thì bà H còn nợ bà T số tiền 410.305.000 đồng, bà H xác định đây là nợ riêng của bà H không có liên quan đến ông S, nên bà H đồng ý một mình bà trả cho bà T số tiền 410.305.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST, ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ô, xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 16 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 09/12/2006 của Chính phủ.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu T.

Buộc bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S có nghĩa vụ liên đới trả bà Ngô Thị Thu T 410.305.000 đồng (Bốn trăm mười triệu, ba trăm lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông S, bà H chưa trả số tiền trên cho bà T thì hàng tháng ông S, bà H phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 248 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017 bị đơn bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S kháng cáo với nội dung:

Yêu cầu xem xét giải quyết lại toàn bộ bản án sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ô. Với lý do: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ô đã tuyên áp đặt không có căn cứ, xem xét vụ việc chỉ qua lời khai không của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả tiền cho phía nguyên đơn là không khách quan làm thiệt hại quyền lợi chính đáng của bị đơn.

Ngày 17/8/2017 bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S kháng cáo bổ sung với nội dung:

+ Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ô. Về tranh chấp hợp đồng dân sự về họ, hụi theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chấp nhận ông Đặng Văn S không liên quan và không có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị Thu T 410.305.000 đồng.

+ Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng thời chấp nhận cho bà H trả nợ hụi cho bà T theo định kỳ khai hụi hàng tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị Thúy H và bà H đại diện cho ông Đặng Văn S sửa đổi đơn kháng cáo là chỉ còn kháng cáo phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST, ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ô về việc buộc bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S có nghĩa vụ liên đới trả bà Ngô Thị Thu T 410.305.000 đồng. Các phần khác của bản án sơ thẩm bà H và ông S không có kháng cáo.

Bà H xác định, bà H và ông S cưới nhau từ năm 1979 sống chung nhà và làm ăn kinh tế chung cho đến nay, không có thời gian nào bà H, ông S sống ly thân với nhau. Hàng ngày ông S canh tác vườn, ruộng và sửa xe có thu nhập góp vào chung lo cho cuộc sống gia đình, còn bà H ở nhà làm công việc nội trợ, mọi sinh hoạt chi tiêu trong gia đình do bà H lo.

Bà H thừa nhận cá nhân bà có tham gia làm hụi viên do bà T là chủ và xác định bà còn nợ bà T tổng số tiền là 410.305.000 đồng. Bà H không yêu cầu Tòa

tính lại số tiền hụi của của từng đây. Cá nhân bà H đồng ý trả cho bà T số tiền nợ hụi là 410.305.000 đồng. Mục đích bà H tham gia hụi để có lãi lúc tuổi già có tiền nuôi sống bản thân. Việc bà H tham gia hụi do bà T làm chủ ông S không biết, nên ông S không đồng ý liên đới cùng bà H trả nợ cho bà T.

- Nguyên đơn bà Ngô Thị Thu T vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S, giữ nguyên án sơ thẩm. Vì bà H và ông S là vợ chồng sống chung một gia đình từ năm 1979 cho đến nay, không có thời gian nào sống ly thân và làm ăn kinh tế riêng, mọi thu chi trong gia đình do bà H toàn quyền quản lý, việc chi tiêu trong gia đình do bà H lo. Như vậy mục đích chơi hụi của bà H là để tăng thu nhập phát triển kinh tế gia đình, đỡ cho con lúc tuổi già. Việc chơi hụi của bà H cũng là phục vụ nhu cầu chung của gia đình nên án sơ thẩm buộc ông S cùng liên đới với bà H trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

Ngày 25 tháng 6 năm 2017 bị đơn Trần Thị Thúy H và Đặng Văn S kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ô và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm vào ngày 30/6/2017 còn trong thời hạn luật định theo Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Thúy H và bà H đại diện cho ông Đặng Văn S sửa đổi đơn kháng cáo là chỉ còn kháng cáo phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST, ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ô về việc buộc bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S có nghĩa vụ liên đới trả bà Ngô Thị Thu T số tiền 410.305.000 đồng. Các phần khác của bản án sơ thẩm bà H và ông S không có kháng cáo. Nên Tòa cấp phúc thẩm giải quyết trong phạm vi kháng cáo của bị đơn được sửa đổi tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Bà T yêu cầu vợ chồng bà H và ông S cùng liên đới trả số tiền nợ hui là 410.305.000 đồng, bà H và bà T đều xác định phía bà H còn nợ bà T số tiền nợ hui là 410.305.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định phía bà H còn nợ bà T 410.305.000 đồng là có thật. Tuy nhiên, phía bà T cho rằng số tiền 410.305.000 đồng là nợ chung của vợ chồng bà H, ông S. Còn phía bà H xác định là nợ riêng của bà H không có liên quan đến ông S.

Xét kháng cáo của bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ô đã tuyên áp đặt không có căn cứ, xem xét vụ việc chỉ qua lời khai không của bà Ngô Thị Thu T. Buộc bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S có nghĩa vụ liên đới trả bà Ngô Thị Thu T 410.305.000 đồng là không khách quan làm thiệt hại quyền lợi chính đáng của bị đơn bà H, ông S là không có cơ sở chấp nhận. Vì, Bà H và ông S cưới nhau từ năm 1979 sống chung nhà và làm ăn kinh tế chung cho đến nay, không có thời gian nào bà H và ông S sống ly thân với nhau. Hàng ngày ông S canh tác vườn, ruộng có thu nhập góp vào chung lo cho cuộc sống gia đình còn bà H ở nhà làm công việc nội trợ, mọi sinh hoạt chi tiêu trong gia đình do bà H lo. Xét thấy việc giao dịch hui giữa bà H và bà T là nhằm đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình bà H và ông S nên Tòa cấp sơ thẩm buộc ông S có trách nhiệm liên đới cùng vợ là bà H trả nợ cho bà T là đúng theo quy định tại Điều 27 và Điều 30 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 16 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 248 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án là chưa chính xác, nên sửa lại là: Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên có quyền, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm Tòa án cấp cơ thẩm buộc bà H và ông S liên đới nộp 20.412.200 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm, nên bà H và ông S không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ một phần, nên chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST, ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ô.

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 16 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu T.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn bà Ngô Thị Thu T số tiền nợ hụi là 410.305.000 đồng (Bốn trăm mười triệu, ba trăm lẽ năm nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên có quyền, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Trần Thị Thúy H và ông Đặng Văn S liên đới nộp 20.412.200 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm mười hai nghìn, hai trăm đồng). Số tiền bà H, ông S nộp được khấu trừ từ 600.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ô theo lai thu số 0013934 và số 0013935 cùng ngày 30/6/2017. Còn lại buộc bà H và ông S tiếp tục liên đới nộp 19.812.200 đồng (Mười chín triệu, tám trăm mười hai nghìn, hai trăm đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Ngô Thị Thu T tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.262.000 đồng (Mười hai triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo lai thu số 0013648 ngày 03 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ô.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhân:**

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA TAT: 01b;
- TAND huyện Ô: 01b;
- THADS huyện Ô: 02b;
- Đ/sự: 03b;
- Lưu: 06 b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Trường**